TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07-9-2020
Về việc "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nghĩa;

2. Ông Nguyễn Đức Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 178/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc N - Sinh năm 1979 - Địa chỉ: Ấp AH, xã BHB, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M - Sinh năm 1966 - Địa chỉ: Ấp AH, xã BHB, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 10-7-2020, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Ngọc N trình bày: Bà và ông M cưới nhau năm 1998, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BHB ngày 19-12-1999; Chung sống đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và quản lý kinh tế, ông M gia trưởng và ngược đãi bà; Bà và ông M đã ly thân từ tháng 05/2020 đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn M;

Về nuôi con chung: Bà và ông M có 02 con chung tên Nguyễn Duy B, sinh ngày 19-10-1999 và Nguyễn Bách T, sinh ngày 14-10-2012, con chung đang sống với bà. Con chung tên B đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Bà yêu

cầu trực tiếp nuôi con chung tên T, theo nguyện vọng của con chung; Bà không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai ngày 20-8-2020, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Phạm Ngọc N về ngày tháng và điều kiện kết hôn, thời gian ly thân, về con chung, việc tự thỏa thuận tài sản chung và việc không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về mâu thuẫn chỉ bất đồng quan điểm sống và về kinh tế.

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Phạm Ngọc N.

Về nuôi con chung: Ông thống nhất con chung tên B đã thành niên không yêu cầu giải quyết, con chung tên T nguyện vọng muốn với bà N nên để bà N trực tiếp nuôi, ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vụ việc được hòa giải đoàn tụ tại Tòa án nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Phạm Ngọc N khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn M, Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện; Các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án;

[3] Xét về hôn nhân:

[3.1] Bà N và ông M chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BHB, huyện H, tỉnh Long An ngày 19-12-1999. Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông M là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

[3.2] Xét việc thuận tình ly hôn của bà N và ông M tại phiên tòa: Bà N và ông M xảy ra mâu thuẫn năm 2017, ly thân từ tháng 5/2020, hiện vẫn sống ly thân, mỗi người tự lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa bà N và ông M đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà N và ông M thuận tình ly hôn tại phiên tòa là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[4] Xét về nuôi con chung:

[4.1] Trước khi mở phiên tòa, bà N và ông M đã thỏa thuận: Nếu ly hôn, con chung tên Nguyễn Duy B, sinh ngày 19-10-1999, đã thành niên, không yêu cầu giải quyết; Bà N được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Bách T, sinh ngày 14-10-

2012, đang sống với bà N, theo nguyện vọng của con chung. Thỏa thuận trước khi mở phiên tòa về người trực tiếp nuôi con chung của đương sự là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên công nhận.

[4.2] Xét bà N không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[4.3] Ông M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà N và ông M được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Xét về chia tài sản chung: Bà N và ông M trình bày tài sản chung để tự thỏa thuận, không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[6] Xét về chia nợ chung: Bà N và ông M trình bày không có, không đề cập giải quyết; Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 60 Luật Hôn nhân gia đình.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà N đã nộp đủ án phí; Ông M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 55, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Ngọc N và ông Nguyễn Văn M thuận tình ly hôn.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Công nhận sự thỏa thuận của đương sự:

- Con chung tên Nguyễn Duy B, sinh ngày 19-10-1999, đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Bà Phạm Ngọc N được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Bách T, sinh ngày 14-10-2012, đang sống với bà N, theo nguyện vọng của con chung;

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự: Ông Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Ông M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà N và ông M được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung: Để tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về chia nợ chung: Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự.

5. Về án phí: Bà Phạm Ngọc N chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0005217 ngày 21-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, bà N đã nộp đủ án phí.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 07-9-2020).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã BHB (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương